TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân – Bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-KDTM ngày 13/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 197/2019/QĐXX - ST ngày 30/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐ-HPT ngày 14/10/2019.

Giữa:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số 35, hàng V, quận H, thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T – Giám đốc Chi nhánh Phủ Diễn – Địa chỉ: Khối 4, Thị trấn D, huyện D, Nghệ An

- Người được ủy quyền lại: Ông Phan Văn S – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B – Địa chỉ: Xóm 10, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- Bị đơn: Đặng Văn L - sinh ngày 03/5/1985.

Trú tại: xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L – sinh ngày 21/6/1988.

Trú tại: xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu được nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì vụ án có nội dung:

Căn cứ vào Giấy đề nghị xin vay vốn của khách hàng là vợ chồng ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L(bà L ủy quyền cho ông L làm thủ tục vay vốn), ngày 10/3/2016 ông Đặng Văn L, trú tại xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh P, phòng giao dịch B; Địa chỉ: xóm 10B, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An số tiền gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) với mục đích vay kinh doanh là để thanh toán tiền tôn, sắt, thép theo hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7174930/HĐTD ngày 10/03/2016, với thời hạn vay 9 tháng, Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp bất động số: 01/2016/7174930/HĐBĐ ngày 08/03/2016 được hai bên ký kết đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng Thủy Nam, tại khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BY945595, thửa đất số 1798, tờ bản đồ số 16; Địa chỉ thửa đất: xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, diện tích sử dụng là 855m^2 được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/12/2015 và ngôi nhà cấp bốn xây dựng trên thửa đất. Thời hạn đối với khoản tiền trên là 09 tháng kể từ ngày nhận tiền 14/03/2016, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 14/12/2016. Bên cho vay, bên vay thỏa thuận với nhau được ghi trong hợp đồng tín dụng như sau: Lãi suất cho vay trong hạn là 9,2%/năm trong 04 tháng đầu, hết kỳ hạn 04 tháng đầu điều chỉnh lãi suất bằng mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn vay đối với sản phẩm cho vay SXKD theo quy định của Ngân hàng BIDV Phủ Diễn tức là 10% năm. Lãi suất quá hạn được hai bên thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng, tức là 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện việc vay vốn thì ông Đặng Văn L đã vi phạm hợp đồng tín dụng, chỉ trả được một số nợ lãi trong hạn với số tiền 19.956.667 đồng (lãi trong hạn ông L đang thiếu là 2.146.666 đồng. Kể từ ngày 14/12/2016 thì ông Đặng Văn L không thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh theo qui định của hợp đồng, Ngân hàng đã đến tận gia đình nhắc nhở và thông báo việc trả nợ nhiều lần nhưng ông Đặng Văn L vẫn không chịu thanh toán, nên khoản nợ của ông L đã chuyển thành nợ quá hạn. Do ông Đặng Văn L vi phạm hợp đồng tín dụng nên ngân hàng khởi kiện ông Đặng Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ, đồng thời để nghị tòa án xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay.

Từ thời điểm nhận tiền vay ngày 14/03/2016 đến hết ngày 13/7/2016 (122 ngày) lãi suất 9,2% năm được tính là 300.000.000 đ x 9,2 % năm x 122 ngày/360 ngày = 9.353.333 đồng, lãi suất 4 tháng đầu ông L thanh toán đầy đủ. Lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 14/7/2016 đến ngày 14/12/2016 là 153 ngày (300.000.000đ x 10 % /năm x 153 ngày/360 ngày = 12.750.000 đồng. Ông L đã thanh toán là 10.603.334 đồng. Tổng số lãi trong hạn ông L phải thanh toán là 22.103.333 đồng - 19.956.667 đồng (lãi đã thanh toán) = 2.146.666 đ (Số tiền lãi trong hạn ông L chưa thanh toán)

Kể từ ngày 14/12/2016 tính đến ngày 29/10/2019 áp dụng lãi suất quá hạn theo hợp đồng là 15% năm được tính cụ thể 300.000.000 đồng x 15% x 1049 ngày/360 ngày =

131.125.000 đồng, số tiền gốc, tiền lãi ông L chưa thanh toán. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán cụ thể là : Gốc 300.000.000 đồng + 2.146.666 đồng(lãi trong hạn chưa thanh toán) + 131.125.000 đồng(lãi quá hạn) = 433.271.666đ(Bốn trăm ba mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong trường hợp ông Đặng Văn L không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phủ Diễn thì yêu cầu Tòa án bảo thủ tài sản, tuyên bố Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ trả nợ, thì đề nghị Tòa án buộc ông Đặng Văn L tiếp tục có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Văn L, người có quyền lợi nghiã vụ liên quan bà Nguyễn Thị L không hợp tác, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông L, bà L để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì việc Ngân hàng TMCP Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng cho ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L vay vốn cơ bản đúng như đại diện của nguyên đơn trình đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Đặng Văn L bị đơn và bà Nguyễn Thị L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng ông L, bà L không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Đặng Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định thời gian mở lại phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Đặng Văn L , bà Nguyễn Thị L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ và xử lý tài sản thế chấp đối với ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Việc vay nợ, thế chấp bất động sản để đảm bảo

khoản vay được chứng minh tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7174930/HĐTD ngày 10/03/2016, với thời hạn vay 9 tháng, lãi trong hạn 04 tháng đầu là 9,2 % năm, lãi trong hạn với thời gian tiếp theo là 10% năm, lãi quá hạn 15 % năm thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7174930 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/7174930/HĐBĐ ngày 08/03/2016, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, thửa đất số: 1798; tờ bản đồ số 16, Địa chỉ: xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Diện tích 855m^2 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BY945595, mang tên ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L cấp ngày 04/12/2015 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất là tài sản hợp pháp của ông L, bà L.

Thời hạn vay khoản tiền gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là 09 tháng kể từ ngày nhận tiền vày 14/03/2016, thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay là ngày 14/12/2016. Theo qui định tại hợp đồng tín dụng thì ông Đặng Văn L phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, tiền lãi vào ngày 14/12/2016, trong thời gian này ông L chỉ thanh toán được 19.956.667 đồng tiền lãi, trong đó lãi suất tính từ ngày 14/03/2016 đến hết ngày 13/7/2016 (122 ngày) lãi suất 9,2% năm được tính là 300.000.000 đ x 9,2 % năm x 122 ngày/360 ngày = 9.353.333 đồng. Lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 14/7/2016 đến ngày 14/12/2016 là 153 ngày (300.000.000đ x 10 % x 153 ngày/360 ngày = 12.750.000 đ ông L đã thanh toán là 10.603.334 đồng, còn thiếu tiến lãi trong hạn 2.146.666 đồng. Việc thanh toán tiền lãi suất của ông L được chứng minh tại bản sao kê trả nợ lãi ngân hàng cung cấp cụ thể: Ngày 28/3/2016 trả lãi số tiền 843.333 đồng; ngày 25/4/2016 trả lãi số tiền 2.376.667 đồng; ngày 25/5/2016 trả lãi số tiền 2.300.000 đồng; ngày 25/6/2016 trả lãi số tiền 2.530.000 đồng; ngày 25/7/2016 trả lãi số tiền 2.240.000 đồng; ngày 25/8/2016 trả lãi số tiền 2.583.334 đồng; ngày 26/9/2016 trả lãi số tiền 2.666.666 đồng; ngày 25/10/2016 trả lãi số tiền 2.416.667 đồng; ngày 05/12/2016 trả lãi số tiền 700.000 đồng; ngày 07/12/ 2016 trả lãi số tiền 1.300.000 đồng

Đến hạn thanh toán gốc và lãi không thấy vợ chồng ông L thanh toán, đại diện Ngân hàng đã trực tiếp gia đình thúc dục ông L, bà L trả nợ, lập biên bản làm việc ngày 30/8/2017 yêu cầu ông L bà L thanh toán nợ, sau đó gửi văn bản thông báo nợ quá hạn đề ngày 07/12/2017cho ông L bà L biết. Đến ngày 12/12/2017 giữa đại diện ngân hàng và ông L tiếp tục lập biên bản đối chiếu nợ, xác nhận nợ và cam kết trả nợ, nhưng sau đó vợ chồng cũng không thanh toán nợ, các tài liệu chứng minh trình tự yêu cầu ông L, bà L thanh toán nợ đã được đại diện Ngân hàng giao nộp được lưu tại hồ sơ vụ án. Theo nội dung của hợ đồng tín dụng thì kể từ ngày 14/12/2016 ông L, bà L không trả được gốc, lãi thì khoản vay được chuyển thành lãi quá hạn là 15% năm. Tiền lãi của khoản vay tạm tính đến ngày 29/10/2019 (ngày xét xử) là 300.000.000 đ x 15% x 1049 ngày/360 ngày = 131.125.000 đồng. Như vậy số tiền gốc, lãi trong hạn còn thiếu, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 29/10/2019 ông L chưa thanh toán cho Ngân hàng, xác định khoản vay của ông L được giao kết tại Hợp đồng thế chấp bất động sản và Hợp đồng tín dụng là khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Đ thuộc nghĩa vụ chung của vợ chồng ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Văn L phải có nghĩa vụ thanh

toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 433.271.666 đồng, trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn còn thiếu 2.146.666 đồng và lãi quá hạn 131.125.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ.

Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng TMCP Đ và vợ chồng ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L còn ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/7174930/HĐBĐ ngày 08/03/2016 để bảo đảm cho khoản vay. Ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L đã thế chấp thửa đất số: 1798; Tờ bản đồ số 16, Địa chỉ: xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Diện tích 855m^2 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BY945595 mang tên ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L cấp ngày 04/12/2015 và ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất để vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ. Những tài sản này thuộc quyền sử dụng, sở hữu của vợ chồng ông L, bà L được dùng để bảo đảm cho khoản vay, nên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành án khi ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L không thanh toán được nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 4, Điều 306 của Luật thương mại; Điều 91 ; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 317; 463, 466, 468 BLDS 2015. Khoản 2 điều 91, 95 Luật ngân hàng và các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Xử: Buộc ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 433.271.666đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn còn thiếu 2.146.666 đồng, tiền lãi quá hạn 131.125.000 đồng.

Kể từ ngày 30/10/2019 ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7174930/HĐTD ngày 10/03/2016 của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L không trả hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại tài sản ông L, bà L đã thế chấp đối với thửa đất số: 1798; Tờ bản đồ số 16, Địa chỉ: xóm 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Diện tích 855m^2 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BY 945595 ngày 04/12/2015 mang tên ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L và 01 ngôi nhà cấp bốn xây dựng trên đất là tài sản của ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ thì ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị L phải nộp 21.330.866đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm ba mươi nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 10.323.000đ(Mười triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ theo biên lai nộp tiền số: 0000010 ngày 13/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS NDYT
- VKSND, TAND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu K/quả
- Các đương sự

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc